

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam)

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh: Phòng:.....

Câu 1: Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm

- A. vùng đất, hải đảo, thềm lục địa
B. vùng đất, vùng biển, vùng núi
C. vùng đất, vùng biển, vùng trời
D. vùng đất liền, hải đảo, vùng trời

Câu 2: Nhiệt độ trung bình của Đại ôn đới gió mùa trên núi là

- A. Thấp hơn 15°C
B. 15°C
C. Lớn hơn 15°C
D. Luôn lớn hơn 15°C

Câu 3: Do không được bồi đắp phù sa hàng năm và do việc canh tác không hợp lí nên ở Đồng bằng sông Hồng đã hình thành nên loại

- A. đất mặn
B. đất cát biển
C. đất chua mặn
D. đất bạc màu

Câu 4: Hạn chế lớn nhất về mặt tự nhiên của tài nguyên khoáng sản nước ta là:

- A. nhiều loại khoáng sản đang bị cạn kiệt
B. ít loại có giá trị
C. trữ lượng nhỏ lại phân tán
D. hầu hết là khoáng sản đa kim

Câu 5: Đường biên giới trên đất liền nước ta dài

- A. 4360km.
B. 3600km.
C. 3460km
D. 4600km.

Câu 6: Mùa bão ở nước ta thường từ tháng

- A. 5 – 10.
B. 7 – 12
C. 6 – 11
D. 5 – 12

Câu 7: Ở miền khí hậu phía bắc, trong mùa đông càng về phía tây càng ẩm vì

- A. nhiệt độ thay đổi theo độ cao của địa hình
B. nhiệt độ tăng dần theo độ vĩ
C. dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa đông bắc
D. đó là những vùng không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc

Câu 8: Nhiều động về thời tiết ở nước ta thường xảy ra vào

- A. thời gian chuyển mùa.
B. nửa sau mùa hè đối với cả vùng Duyên hải miền Trung.
C. nửa đầu mùa hè ở Bắc Trung Bộ.
D. mùa đông ở miền Bắc và mùa khô ở Tây Nguyên.

Câu 9: Gió mùa mùa hạ chính thức của nước ta là

- A. gió mùa hoạt động ở cuối mùa hạ
B. gió mùa xuất phát từ cao áp cận chí tuyến ở bán cầu Nam
C. gió mùa hoạt động từ tháng 6 đến tháng 9
D. gió mùa xuất phát từ áp cao bắc Ấn Độ Dương

Câu 10: Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- A. lượng nước phân bố không đều giữa các hệ thống sông
B. phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam
C. phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt
D. chế độ nước theo mùa

Câu 11: Bãi biển nào dưới đây chịu tác động lớn nhất của gió Lào vào đầu mùa hạ

- A. Trà Cổ
B. Phú Quốc
C. Nha Trang
D. Cửa Lò

Câu 12: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam trang 9, hãy trả lời câu hỏi sau

Trong 4 địa điểm sau, địa điểm có lượng mưa trung bình năm nhiều nhất là

- A. Hà Nội
B. Huế
C. Nha Trang
D. Phan Thiết

Câu 13: So với Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Huế là nơi có cân bằng ẩm lớn nhất. Nguyên nhân chính là

- A. Huế có lượng mưa lớn nhưng bốc hơi ít do mưa nhiều vào mùa thu đông.

- B. Huế là nơi có lượng mưa trung bình năm lớn nhất nước ta.
- C. Huế có lượng mưa không lớn nhưng mưa thu đông nên ít bốc hơi.
- D. Huế lạnh quanh năm nên bốc hơi ít

Câu 14: Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành gió mùa là

- A. sự hạ khí áp đột ngột
- B. sự chênh lệch nhiệt độ và khí áp giữa lục địa và đại dương theo mùa
- C. sự chênh lệch độ ẩm giữa ngày và đêm
- D. sự chênh lệch khí áp giữa lục địa và đại dương

Câu 15: Đối với nước ta, để đảm bảo vai trò của rừng đối với bảo vệ môi trường, theo quy hoạch thì chúng ta cần phải :

- A. nâng diện tích rừng lên khoảng 14 triệu ha.
- B. duy trì diện tích rừng ít nhất là như hiện nay.
- C. đạt độ che phủ rừng lên trên 50%.
- D. nâng độ che phủ lên từ 45% - 50% ở vùng núi dốc phải đạt độ che phủ khoảng 70% - 80%.

Câu 16: Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp đã làm cho

- A. tính chất nhiệt đới, ẩm, gió mùa của thiên nhiên được bảo toàn
- B. địa hình nước ta ít hiểm trở
- C. địa hình nước ta có sự phân bậc rõ ràng
- D. thiên nhiên có sự phân hoá sâu sắc

Câu 17: Nếu ở Nha Trang nhiệt độ không khí là 32⁰C thì lên đến Đà Lạt ở độ cao 1500m nhiệt độ là

- A. 23⁰C
- B. 13⁰C
- C. 10⁰C
- D. 22⁰C

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Việt Nam trang 9, khu vực có tần suất bão lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Đông Nam Bộ
- C. Duyên hải Nam trung Bộ
- D. Bắc Trung Bộ

Câu 19: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ

- A. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.
- B. nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.
- C. lãnh thổ kéo dài từ 8^o34'B đến 23^o23'B nên thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.
- D. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.

Câu 20: Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ

- A. nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.
- B. nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.
- C. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- D. nước ta nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.

Câu 21: Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm

- A. kéo dài liên tục suốt 3 tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20⁰C
- B. hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô
- C. xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô hoặc lạnh ẩm
- D. hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm

Câu 22: Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng

- A. Nam Bộ
- B. Trên cả nước
- C. Tây Nguyên và Nam Bộ
- D. Phía Nam đèo Hải Vân

Câu 23: Đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, Việt Nam có quyền lợi nào

A. có quyền thực hiện các biện pháp để bảo vệ an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường, nhập cư...

- B. có chủ quyền hoàn toàn về thăm dò, khai thác, bảo vệ, quản lí các tất cả các nguồn tài nguyên.
- C. cho phép các nước tự do hàng hải, hàng không, đặt ống dẫn dầu, cáp quang ngầm.
- D. không cho phép các nước được phép thiết lập các công trình nhân tạo phục vụ cho thăm dò, khảo sát biển.

Câu 24: Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lí nước ta:

- A. sinh vật phong phú đa dạng

- B. đủ các loại khoáng sản chính của khu vực Đông Nam Á.
- C. làm cho văn hóa nước ta có nhiều nét tương đồng với các nước trong khu vực
- D. tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 25: Trở ngại lớn nhất của địa hình miền núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta là

- A. địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực gây trở ngại cho giao thông.
- B. địa hình dốc, đất dễ bị xói mòn.
- C. thiếu đất canh tác, thiếu nước nhất là ở những vùng núi đá vôi.
- D. động đất dễ phát sinh ở những vùng đứt gãy sâu.

Câu 26: Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở vùng đồng bằng là

- A. Ngăn chặn nạn du canh, du cư.
- B. Chống suy thoái và ô nhiễm đất
- C. Thực hiện kỹ thuật canh tác trên đất dốc.
- D. Áp dụng biện pháp nông lâm kết hợp

Câu 27: Gió mùa mùa hạ chính thức của nước ta gây mưa cho vùng

- A. Bắc Bộ
- B. Tây Nguyên
- C. Nam Bộ
- D. Cả nước

Câu 28: Nhận định đúng nhất về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là

- A. dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng chất lượng vẫn tiếp tục suy giảm
- B. tài nguyên rừng đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng
- C. tài nguyên rừng của nước ta đang được phục hồi cả về số lượng lẫn chất lượng
- D. chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh

Câu 29: Điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh nào

- A. Cao Bằng.
- B. Điện Biên.
- C. Hà Giang.
- D. Lào Cai

Câu 30: Cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt – Trung?

- A. Lao Bảo
- B. Vĩnh Xương
- C. Đồng Đăng
- D. Cầu Treo

Câu 31: Diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người của nước ta năm 2005 là

- A. 0,1 ha.
- B. 0,2 ha.
- C. 0,3 ha.
- D. 0,4 ha

Câu 32: Gió Đông Bắc thổi ở vùng phía nam đèo Hải Vân vào mùa đông thực chất là

- A. gió mùa mùa đông xuất phát từ cao áp ở lục địa châu Á
- B. gió tín phong ở nửa cầu Bắc hoạt động thường xuyên suốt năm
- C. một loại gió địa phương hoạt động thường xuyên suốt năm giữa biển và đất liền
- D. gió mùa mùa đông nhưng đã biến tính khi vượt qua dãy Bạch Mã

Câu 33: Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tính đa dạng sinh học của nước ta là

- A. sự biến đổi thất thường của khí hậu Trái đất gây ra nhiều thiên tai
- B. ô nhiễm môi trường do chất thải của sản xuất và sinh hoạt
- C. chiến tranh tàn phá các khu rừng, các hệ sinh thái
- D. săn bắt, buôn bán trái phép các động vật hoang dã

Câu 34: Vùng có tình trạng khô hạn dữ dội và kéo dài nhất nước ta là :

- A. Các thung lũng đá vôi ở miền Bắc.
- B. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Các cao nguyên ở phía nam Tây Nguyên.
- D. Cực Nam Trung Bộ.

Câu 35: Nội thủy là

- A. vùng nước tiếp giáp với đất liền nằm ven biển.
- B. vùng nước tiếp giáp với đất liền phía bên trong đường cơ sở.
- C. vùng nước cách đường cơ sở 12 hải lí.
- D. vùng nước cách bờ 12 hải lí.

Câu 36: Đất phe-ra-lit ở nước ta thường bị chua vì

- A. có sự tích tụ nhiều Fe₂O₃
- B. mưa nhiều trôi hết các chất bazo dễ tan
- C. có sự tích tụ nhiều Al₂O₃
- D. quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh

Câu 37: Hiện tượng mưa phùn của nước ta thường xảy ra ở khu vực

- A. diễn ra vào đầu mùa đông ở miền Bắc
- B. diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc
- C. diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào nửa sau mùa đông

D. diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào đầu mùa đông

Cho bảng số liệu sau

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Vinh	17,6	29,6	23,9
Huế	19,7	29,4	25,1
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	27,1

(Nguồn: Niên giám thống kê 2015, NXB Thống kê 2016)

Dựa vào bảng số liệu trên trả lời từ **Câu 38** đến **Câu 40**:

Câu 38: Biên độ nhiệt năm cao nhất thuộc về địa điểm nào

- A. Lạng Sơn B. Hà Nội. C. Huế. D. TP. Hồ Chí Minh

Câu 39: Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng

- A. giảm dần từ Bắc vào Nam B. tăng dần từ Bắc vào Nam.
C. tăng giảm không ổn định. D. không tăng không giảm

Câu 40: Nhận xét nào sau đây **không đúng** về sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam

- A. nhiệt độ trung bình tháng VII có sự thay đổi đáng kể từ Bắc vào Nam
B. nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam
C. biên độ nhiệt giảm dần từ Bắc vào Nam
D. từ Vinh vào Quy Nhơn nhiệt độ có cao hơn một chút do ảnh hưởng của gió Lào

----- HẾT -----

1	C	11	D	21	C	31	A
2	A	12	B	22	C	32	B
3	D	13	A	23	A	33	A
4	C	14	B	24	D	34	D
5	D	15	D	25	A	35	B
6	C	16	A	26	B	36	B
7	C	17	A	27	D	37	C
8	A	18	D	28	A	38	A
9	B	19	D	29	C	39	B
10	D	20	B	30	C	40	A

SỞ GD-ĐT HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT ĐOÀN THƯỢNG

(Đề kiểm tra gồm 01 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2016 - 2017
MÔN THI: ĐỊA LÝ- KHỐI 12

Thời gian làm bài: 45 phút

(Không kể thời gian giao đề)

Đề 01 (Dành cho HS có SBD lẻ)

Câu I (3,0 điểm):

Trình bày đặc điểm tự nhiên của phần lãnh thổ phía Bắc. Giải thích đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc.

Câu II (2,5 điểm):

Phân tích những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đối với ngành nông nghiệp, du lịch nước ta.

Câu III (1,5 điểm):

Trong thời gian thu - đông giữa các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có sự đối lập về thời tiết. Vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế, em hãy cho biết: sự đối lập về thời tiết được thể hiện như thế nào? Giải thích nguyên nhân của hiện tượng trên.

Câu IV (3,0 điểm):

Cho bảng số liệu sau:

Số lượng loài	Thú	Chim
Số lượng loài đã biết	300	830
Số lượng loài bị mất dần	96	57
Số lượng loài có nguy cơ bị tuyệt chủng	62	29

- Vẽ biểu đồ cột thể hiện các số liệu nói trên.
- Nhận xét và giải thích các số liệu nói trên.

---HẾT---

(Học sinh không được phép sử dụng tài liệu trong phòng thi kể cả Atlas Địa lý)

Họ tên học sinh:.....SBD:.....Lớp:.....

Họ tên giám thị coi thi:.....Chữ ký:.....

(Đề kiểm tra gồm 01 trang)

Đề 02 (Dành cho HS có SBD chẵn)

Câu I (3,0 điểm):

Trình bày đặc điểm tự nhiên của phần lãnh thổ phía Nam. Giải thích đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam.

Câu II (2,5 điểm):

Phân tích những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đối với ngành công nghiệp, giao thông vận tải nước ta.

Câu III (1,5 điểm):

Miền Bắc nước ta đang trải qua một mùa đông có nhiều điểm bất thường, trái với quy luật tự nhiên. Vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế, em hãy cho biết:

- Điều bất thường đó là gì? Nguyên nhân của hiện tượng đó?
- Phân tích ảnh hưởng của hiện tượng đó đối với sông ngòi, sinh vật, ngành nông nghiệp của miền Bắc nước ta.

Câu IV (3,0 điểm):

Cho bảng số liệu biến động diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943- 2009

Năm	1943	1983	2009
Diện tích (triệu ha)	14,3	7,2	13,2
Độ che phủ (%)	43,0	22,0	39,2

1. Vẽ biểu đồ kết hợp cột - đường thể hiện biến động diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943- 2009.

2. Nhận xét và giải thích sự biến động diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943- 2009.

---HẾT---

(Học sinh không được phép sử dụng tài liệu trong phòng thi kể cả Atlas Địa lý)

Họ tên học sinh:.....SBD:.....Lớp:.....

Họ tên giám thị coi thi:.....Chữ ký:.....

ĐỀ LỄ

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
I (3,0đ)	Trình bày đặc điểm tự nhiên của phần lãnh thổ phía Bắc.	
	- Giới hạn: từ dãy Bạch Mã trở ra	0,25
	- Khí hậu:	
	+ Kiểu khí hậu: NDÂGM có 1 mùa đông lạnh kéo dài	0,25
	+ Nhiệt độ TB năm: trên 20 ⁰ C	0,25
	+ Số tháng nhiệt độ nhỏ hơn 18 ⁰ C: từ 2-3 tháng (mùa đông)	0,25
	+ Biên độ nhiệt năm: lớn	0,25
	+ Sự phân mùa: mùa hạ nóng ẩm- mùa đông lạnh khô	0,25
	- Cảnh quan:	
	+ Kiểu rừng nhiệt đới gió mùa	0,25
+ Thực vật: các cây nhiệt đới ưu thế. Ngoài ra còn có cây cận nhiệt. Vùng đồng bằng trồng cây rau ôn đới.	0,25	
+ Động vật: các loài thú có lông dày.	0,25	
	Giải thích đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc.	
	- Đặc điểm: NDÂGM có 1 mùa đông lạnh kéo dài	0,25
	- Do nằm ở phía Bắc dãy Bạch Mã nên chịu ảnh hưởng sâu sắc của khối lạnh từ Trung Quốc tràn xuống. Từ đó, làm cho nhiệt độ của miền bị hạ thấp tạo nên 1 mùa đông lạnh kéo dài.	0,5
II (2,5đ)	Phân tích những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đối với ngành nông nghiệp, du lịch nước ta.	
	* Đối với ngành nông nghiệp:	
	- Thuận lợi:	
	+ Nhiệt ẩm dồi dào tạo điều kiện SV phát triển quanh năm (dc).	0,25
	+ Tạo điều kiện để thâm canh, tăng vụ (dc).	0,25

	+ Cơ cấu cây trồng đa dạng, hiệu quả cao (dc).	0,25												
	- Khó khăn:													
	+ Nhiệt ẩm dồi dào tạo điều kiện sâu bệnh phát triển (dc).	0,25												
	+ Nhiều thiên tai (dc).	0,25												
	* Đối với ngành du lịch:													
	- Thuận lợi:													
	+ Nhiệt ẩm dồi dào tạo điều kiện SV phát triển quanh năm => phát triển du lịch sinh thái (dc).	0,25												
	+ Nhiều dạng địa hình vùng núi đẹp, khí hậu mát mẻ (dc).	0,25												
	+ Một số hệ thống sông có giá trị du lịch (dc).	0,25												
	- Khó khăn:													
	+ Nhịp điệu mùa của khí hậu, sông ngòi ảnh hưởng đến hoạt động ngành du lịch (dc).	0,25												
	+ Các thiên tai ảnh hưởng đến hoạt động của ngành (dc).	0,25												
III (1,5đ)	Trong thời gian thu- đông giữa các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên có sự đối lập về thời tiết. Vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế, em hãy cho biết: sự đối lập về thời tiết được thể hiện như thế nào? Giải thích nguyên nhân của hiện tượng trên.													
	- Biểu hiện sự đối lập thời tiết: NTB (mưa nhiều) >> TN (khô hạn).	0,5												
	- Nguyên nhân:													
	+ Do ảnh hưởng kết hợp của hướng địa hình và gió Tín phong ĐB.	0,25												
	+ Vào thời gian thu đông: phía nam dãy Bạch Mã chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió Tín phong ĐB.	0,25												
+ Các tỉnh NTB nằm ở sườn đông của dãy Trường Sơn Nam chắn gió Tín phong ĐB cộng với tác dụng của frông nên có mưa nhiều.	0,25													
+ Các tỉnh Tây Nguyên nằm ở sườn tây của dãy Trường Sơn Nam khuất gió Tín phong ĐB chịu ảnh hưởng của hiệu ứng phơn nên ít mưa.	0,25													
IV (3,0đ)	Cho bảng số liệu sau:													
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Số lượng loài</th> <th>Thú</th> <th>Chim</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số lượng loài đã biết</td> <td>300</td> <td>830</td> </tr> <tr> <td>Số lượng loài bị mất dần</td> <td>96</td> <td>57</td> </tr> <tr> <td>Số lượng loài có nguy cơ bị tuyệt chủng</td> <td>62</td> <td>29</td> </tr> </tbody> </table>	Số lượng loài	Thú	Chim	Số lượng loài đã biết	300	830	Số lượng loài bị mất dần	96	57	Số lượng loài có nguy cơ bị tuyệt chủng	62	29	
	Số lượng loài	Thú	Chim											
	Số lượng loài đã biết	300	830											
	Số lượng loài bị mất dần	96	57											
Số lượng loài có nguy cơ bị tuyệt chủng	62	29												

1. Vẽ biểu đồ cột thể hiện các số liệu nói trên		
- Yêu cầu: biểu đồ cột ghép, đầy đủ các thành phần của biểu đồ, đẹp		1,5
- Vẽ dạng khác không chấm điểm.		
2. Nhận xét và giải thích các số liệu nói trên.		1,5
- Nhận xét:		
+ Các loài thú, chim nước ta phong phú, đa dạng (dc).		0,25
+ Các loài thú, chim nước ta đang bị suy giảm nghiêm trọng (dc).		0,25
- Giải thích:		
+ Đa dạng vì nước ta có điều kiện tự nhiên thuận lợi đặc biệt là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa (diễn giải).		0,5
+ Suy giảm nghiêm trọng vì khai thác, săn bắt quá mức; ô nhiễm môi trường; diện tích rừng bị suy giảm; hậu quả biến đổi khí hậu toàn cầu.		0,5
Tổng điểm toàn bài (Câu I + II + III + IV)		10,0

SỞ GD-ĐT HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG THPT ĐOÀN THƯỢNG

ĐỀ CHẤM

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
MÔN THI: ĐỊA LÝ- KHỐI 12
Thời gian làm bài: 45 phút

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
I (3,0đ)	Trình bày đặc điểm tự nhiên của phần lãnh thổ phía Nam.	
	- Giới hạn: từ dãy Bạch Mã trở vào	0,25
	- Khí hậu:	
	+ Kiểu khí hậu: cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm	0,25
	+ Nhiệt độ TB năm: trên 205 ⁰ C	0,25
	+ Số tháng nhiệt độ nhỏ hơn 18 ⁰ C: không có	0,25
	+ Biên độ nhiệt năm: nhỏ	0,25
	+ Sự phân mùa: mùa mưa - mùa khô	0,25
- Cảnh quan:		

	+ Kiểu rừng cận xích đạo gió mùa	0,25
	+ Thực vật: các cây họ Dầu chiếm ưu thế. Diện tích rừng ngập mặn, rừng tràm lớn	0,25
	+ Động vật: có nhiều loài thú lớn trăn, rắn, cá sấu.	0,25
	Giải thích đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam.	
	- Đặc điểm: cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm	0,25
	- Do nằm ở phía Nam dãy Bạch Mã nên không chịu ảnh hưởng của khối lạnh từ Trung Quốc tràn xuống. Ngoài ra, do miền nằm gần xích đạo nên có góc nhập xạ lớn, số giờ nắng nhiều.	0,5
	Phân tích những thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đối với ngành công nghiệp, giao thông vận tải nước ta.	
II (2,5đ)	* Đối với ngành công nghiệp:	
	- Thuận lợi:	
	+ Nhiệt ẩm dồi dào tạo điều kiện SV phát triển quanh năm => nguyên liệu dồi dào (dc).	0,5
	+ Địa hình cắt xẻ, nhiều sông => ngành thủy điện (dc).	0,25
	- Khó khăn:	
	+ Nhiệt ẩm cao gây khó khăn cho bảo quản máy móc và các sản phẩm công nghiệp (dc).	0,25
+ Nhiều thiên tai (dc).	0,25	
	* Đối với ngành giao thông vận tải:	
	- Thuận lợi:	
	+ Có một mùa khô kéo dài thuận lợi cho ngành giao thông phát triển quanh năm đặc biệt là GTVT đường bộ (dc).	0,5
	+ Mạng lưới sông ngòi dày đặc => PT GTVT đường sông (dc).	0,25
	- Khó khăn:	
	+ Nhịp điệu mùa của sông ngòi ảnh hưởng đến hoạt động ngành GTVT (dc).	0,25
	+ Các thiên tai ảnh hưởng đến hoạt động của ngành (dc).	0,25
III (1,5đ)	Miền Bắc nước ta đang trải qua một mùa đông có nhiều điểm bất thường, trái với quy luật tự nhiên. Vận dụng kiến thức đã học và hiểu biết thực tế, em hãy cho biết:	
	- Điều bất thường đó là gì? Nguyên nhân của hiện tượng đó?	
	- Phân tích ảnh hưởng của hiện tượng đó đối với sông ngòi, sinh vật, ngành nông nghiệp của miền Bắc nước ta.	
	- Biểu hiện sự bất thường thời tiết: nhiệt độ trong mùa đông cao, số ngày	0,25

	nhiệt độ thấp rất ít													
	- Nguyên nhân: do hậu quả của BĐKH toàn cầu, nhiệt độ TB tăng lên	0,25												
	Phân tích ảnh hưởng của hiện tượng đó đối với sông ngòi, sinh vật, ngành nông nghiệp của miền Bắc nước ta.													
	- Sông ngòi: Lượng nước đổ về các sông ít, sông ngòi khô hạn, ngành vận tải đường sông khó hoạt động.	0,25												
	- Sinh vật: Nguy cơ cháy rừng cao. Nhiều sinh vật ưa lạnh bị tuyệt chủng	0,25												
	- Nông nghiệp: + Hạn hạn, thiếu nước SXNN diễn ra, năng suất NN sẽ thấp, người nông dân gặp nhiều khó khăn, có nhiều người lâm vào tình cảnh nghèo khó. + Tình trạng người dân bỏ ruộng kéo lên các thành phố tăng, từ đó gây áp lực cho các đô thị.	0,5												
	Cho bảng số liệu biến động diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943- 2009													
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>1943</th> <th>1983</th> <th>2009</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Diện tích (triệu ha)</td> <td>14,3</td> <td>7,2</td> <td>13,2</td> </tr> <tr> <td>Độ che phủ (%)</td> <td>43,0</td> <td>22,0</td> <td>39,2</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	1943	1983	2009	Diện tích (triệu ha)	14,3	7,2	13,2	Độ che phủ (%)	43,0	22,0	39,2	
Năm	1943	1983	2009											
Diện tích (triệu ha)	14,3	7,2	13,2											
Độ che phủ (%)	43,0	22,0	39,2											
	1. Vẽ biểu đồ kết hợp cột - đường thể hiện biến động diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943- 2009.													
	- Yêu cầu: chính xác (cột - diện tích, đường - độ che phủ), đầy đủ các thành phần của biểu đồ, đẹp - Vẽ dạng khác không chấm điểm.	1,5												
IV (3,0đ)	2. Nhận xét và giải thích sự biến động diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943- 2009.	1,5												
	- Nhận xét: + Từ 1943 - 1983: DT và độ che phủ suy giảm (dc). + Từ 1983 - 2009: DT và độ che phủ phục hồi (dc).	0,25 0,25												
	- Giải thích: + Từ 1943 - 1983: DT và độ che phủ suy giảm do tập tậ quán đốt rừng làm nương, chặt phá quá mức, buông lỏng quản lý, hậu quả chiến tranh, + Từ 1983 - 2009: DT và độ che phủ phục hồi do chính sách phủ xanh đất trống đồi trọc, chính sách giao đất giao rừng; siết chặt quản lý rừng; làm tốt công tác tuyên truyền người dân.	0,5 0,5												
	Tổng điểm toàn bài (Câu I + II + III + IV)	10,0												

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Lưu ý: Đối với câu trắc nghiệm học sinh tô tròn bằng viết chì vào phiếu trả lời. Thí sinh nhớ ghi lại số báo danh và mã đề thi vào bài thi.

Lưu ý: Đối với câu trắc nghiệm học sinh tô tròn bằng viết chì vào phiếu trả lời. Thí sinh nhớ ghi lại số báo danh và mã đề thi vào bài thi.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Mã đề: 254

Câu 1. Cho bảng số liệu "Mật độ dân số một số vùng nước ta năm 2014" (đơn vị: người/km²), hãy lựa chọn dạng biểu đồ phù hợp nhất thể hiện sự phân bố mật độ dân số không đều trong cả nước:

Vùng	Mật độ	Vùng	Mật độ
Đông Bắc	155	Duyên hải Nam Trung Bộ	205
Tây Bắc	79	Tây Nguyên	101
Đồng bằng sông Hồng	1304	Đông Nam Bộ	669
Bắc Trung Bộ	202	Đồng bằng sông Cửu Long	432

A. Biểu đồ cột kép B. Biểu đồ cột đứng C. Biểu đồ cột ngang D. Biểu đồ cột chồng

Câu 2. Nếu trên đỉnh núi Phanxipăng (3143m) có nhiệt độ là 2,0°C, thì theo quy luật đai cao (xuống thấp 1000m nhiệt độ tăng 6°C), nhiệt độ ở chân núi này sẽ là

A. 15,9°C. B. 2,0°C. C. 25,9°C. D. 20,9°C.

Câu 3. Để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hóa cần

A. ngăn chặn lối sống cư dân nông thôn nhích gần lối sống thành thị.

B. tiến hành đô thị hóa xuất phát từ công nghiệp hóa.

C. giảm bớt tốc độ đô thị hóa.

D. hạn chế dòng di dân từ nông thôn ra thành thị.

Câu 4. Hậu quả lớn nhất của việc phân bố dân cư không hợp lý tại Hải Phòng theo em là:

A. Khó khăn cho việc khai thác tài nguyên. B. Ô nhiễm môi trường.

C. Gây lãng phí nguồn lao động.

D. Giải quyết vấn đề việc làm.

Câu 5. Sự phân mùa của khí hậu nước ta chủ yếu là do

A. ảnh hưởng của khối không khí lạnh (NPc) và khối không khí xích đạo (Em).

B. ảnh hưởng của khối không khí từ vịnh Bengan (TBg) và tín phong nửa cầu Bắc (Tm).

C. ảnh hưởng của khối không khí hoạt động theo mùa khác nhau về hướng và tính chất.

D. ảnh hưởng của tín phong nửa cầu Bắc (Tm) và khối không khí xích đạo (Em).

Câu 6. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào dưới đây có quy mô dân số (năm 2007) dưới 500 nghìn người?

A. Cần Thơ.

B. Đà Nẵng.

C. Biên Hòa.

D. Hạ Long.

Câu 7. Thảm thực vật rừng ở Việt Nam đa dạng về kiểu hệ sinh thái vì

A. khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, phân hóa phức tạp với nhiều kiểu khí hậu.

B. vị trí nằm ở nơi giao lưu của các luồng di cư sinh vật.

C. địa hình đồi núi chiếm ưu thế và phân hóa phức tạp.

D. sự phong phú đa dạng của các nhóm đất.

Câu 8. Dân số nước ta tăng trung bình mỗi năm khoảng

- A. 1,8 triệu người. B. 2,5 triệu người. C. 1,0 triệu người. D. 0,5 triệu người.

Câu 9. Dựa vào bảng số liệu sau:

Nhiệt độ trung bình tại một số địa điểm

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Huế	19,7	29,4	25,1
Đà Nẵng	21,3	29,1	25,7
Quy Nhơn	23,0	29,7	26,8
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	26,9

Nhận xét nào sau đây đúng với biên độ nhiệt năm ở nước ta từ Bắc vào Nam?

- A. biên độ nhiệt năm ở miền Bắc thấp hơn miền Nam.
B. biên độ nhiệt năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
C. biên độ nhiệt năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
D. biên độ nhiệt năm cả hai miền Nam, Bắc đều thấp.

Câu 10. Hiện tại, nước ta đang trong giai đoạn "Cơ cấu dân số vàng", điều đó có nghĩa là

- A. số người ở độ tuổi 15 - 59 chiếm hơn 2/3 dân số.
B. số người ở độ tuổi 0 - 14 chiếm hơn 2/3 dân số.
C. số trẻ sơ sinh chiếm hơn 2/3 dân số.
D. số người ở độ tuổi 60 trở lên chiếm hơn 2/3 dân số.

Câu 11. Lượng nước thiếu hụt vào mùa khô ở miền Bắc không nhiều như ở miền Nam là do

- A. được sự điều tiết của các hồ nước.
B. nguồn nước ngầm phong phú.
C. mạng lưới sông ngòi dày đặc.
D. có hiện tượng mưa phùn vào cuối mùa đông.

Câu 12. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa, lượng bốc hơi của một số địa điểm nước ta. (Đơn vị: mm)

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Bốc hơi (mm)
Hà Nội	1676	989
Huế	2868	1000
TP. HCM	1931	1686

Cân bằng ẩm của Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh lần lượt là:

- A. (+)687; (+)1868; (+)245. B. (-)678; (-)1868; (-)245
C. (+)2665; (+)3868; (+)3671 D. (-)2665; (-)3868; (-)3671

Câu 13. Để giảm tình trạng di dân tự do vào đô thị Hải Phòng, giải pháp lâu dài và chủ yếu là

- A. phát triển và mở rộng mạng lưới các đô thị để tăng sức chứa dân cư.
B. phát triển mạng lưới đô thị hợp lí, đẩy mạnh công nghiệp hóa nông thôn.
C. xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng ở đô thị.
D. hạn chế sự gia tăng dân số tự nhiên cả ở nông thôn và thành thị.

Câu 14. Căn cứ vào bản đồ Lượng mưa ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, khu vực có khí hậu khô hạn nhất ở nước ta là

- A. ven biển Bắc Bộ.
- B. Tây Bắc.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. ven biển cực Nam Trung Bộ.

Câu 15. Nét khác biệt nổi bật về khí hậu của vùng DHNTB so với Nam Bộ là

- A. khí hậu chia thành hai mùa mưa- khô rõ rệt hơn.
- B. mùa đông chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch mạnh hơn.
- C. có nền nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.
- D. mưa nhiều vào thu đông.

Câu 16. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc mang sắc thái

- A. cận xích đạo gió mùa.
- B. cận nhiệt đới gió mùa.
- C. nhiệt đới gió mùa.
- D. xích đạo gió mùa.

Câu 17. Yếu tố chính làm hình thành các trung tâm mưa nhiều, mưa ít ở nước ta là

- A. độ vĩ.
- B. độ lục địa.
- C. địa hình.
- D. mạng lưới sông ngòi

Câu 18. Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp khiến phần lớn sông ngòi ở nước ta mang đặc điểm nhỏ, ngắn và độ dốc lớn là

- A. địa hình, sinh vật và thổ nhưỡng.
- B. khí hậu và sự phân bố địa hình.
- C. hình dáng lãnh thổ và sự phân bố địa hình.
- D. hình dáng lãnh thổ và khí hậu.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, phần lớn diện tích vùng Tây Nguyên mật độ dân số (năm 2007) ở mức

- A. trên 500 người/km².
- B. từ 101-200 người/km².
- C. dưới 100 người/km².
- D. từ 201-500 người/km².

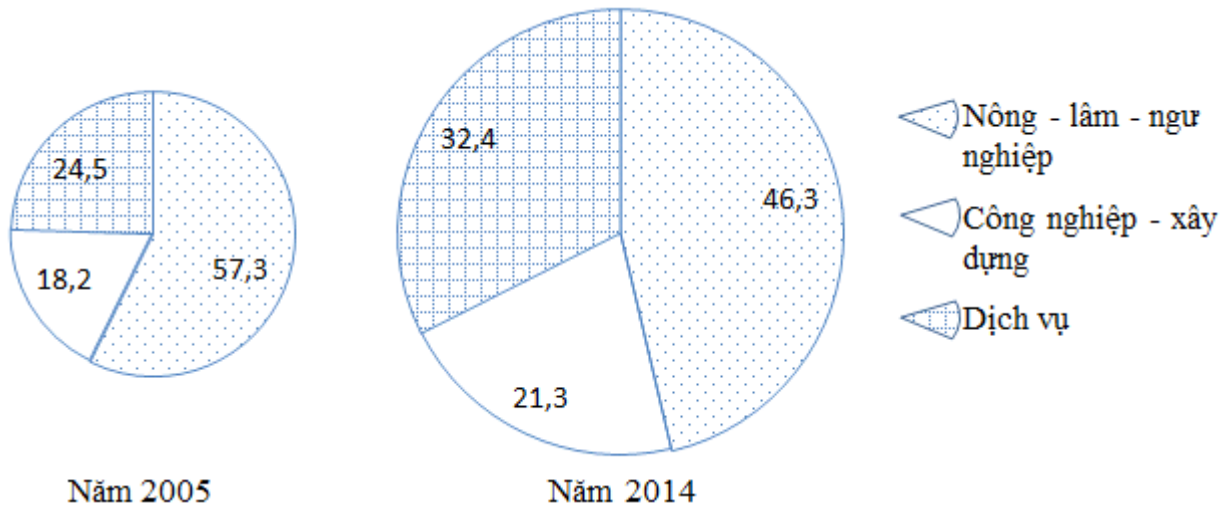
Câu 20. Lao động nước ta chủ yếu tập trung ở các ngành nông - lâm - thủy sản là do

- A. tỉ lệ lao động thủ công còn cao, sử dụng công cụ thô sơ vẫn còn phổ biến.
- B. các ngành này có cơ cấu đa dạng, trình độ sản xuất cao.
- C. thực hiện đa dạng hóa các hoạt động sản xuất ở nông thôn.
- D. sử dụng nhiều máy móc trong sản xuất.

Câu 21. Tác động của những khối núi cao trên 2000m đối với thiên nhiên nước ta là

- A. làm phong phú cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới của nước ta.
- B. làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới của nước ta.
- C. phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nhiệt đới trên khắp cả nước.
- D. tạo các bức chắn để hình thành các ranh giới các miền khí hậu.

Câu 22. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ cơ cấu sử dụng lao động theo ngành của nước ta năm 2005 và 2014(%)

Căn cứ vào biểu đồ cho biết nhận xét nào dưới đây là đúng.

- A. Tỷ lệ lao động khu vực nông-lâm ngư nghiệp thấp nhất.
- B. Cơ cấu lao động của nước ta đang chuyển dịch phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa đất nước.
- C. Cơ cấu lao động theo ngành không có sự thay đổi.
- D. Tổng số lao động nước ta không thay đổi trong giai đoạn trên.

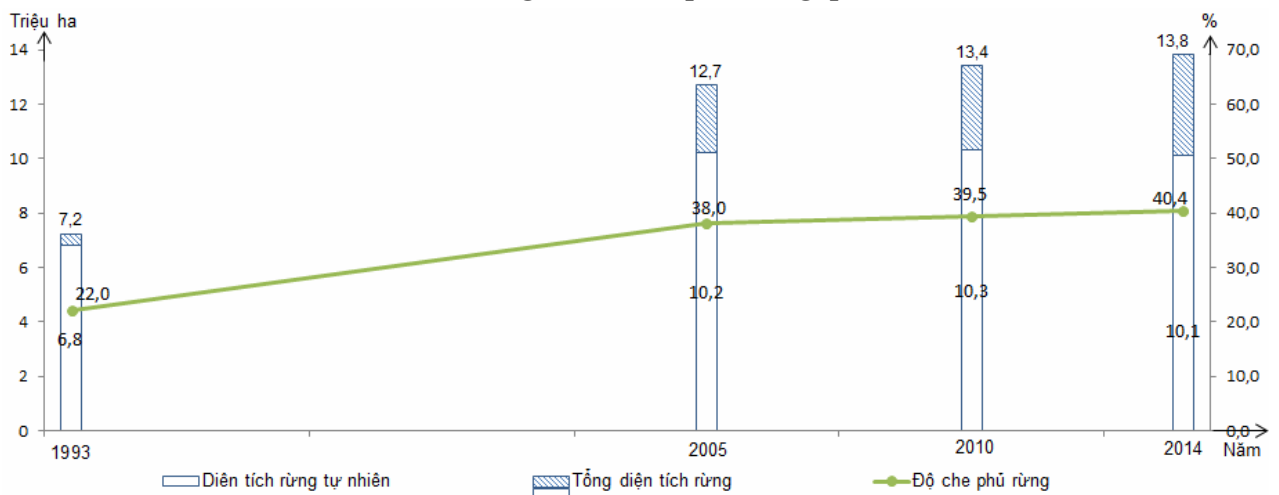
Câu 23. Đặc điểm **không đúng** với miền khí hậu miền Bắc là

- A. thời tiết, khí hậu có diễn biến thất thường.
- B. độ lạnh tăng dần về phía Nam.
- C. biên độ nhiệt trong năm lớn hơn so với miền Nam.
- D. thời kì bắt đầu mùa mưa có xu hướng chậm dần từ Bắc vào Nam.

Câu 24. Ở nước ta, tỉ lệ thiết việc làm tương đối cao là ở khu vực

- A. miền núi.
- B. đồng bằng.
- C. nông thôn.
- D. thành thị

Câu 25. Cho biểu đồ sau: Diện tích rừng và độ che phủ rừng qua các năm của nước ta.



Căn cứ vào biểu đồ cho biết nhận xét nào dưới đây là **không đúng**

- A. Diện tích rừng tự nhiên của nước ta tăng 3,3 triệu ha, tăng không liên tục.
- B. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn tổng diện tích rừng.
- C. Độ che phủ rừng của nước ta tăng liên tục.
- D. Độ che phủ rừng của nước ta tăng 18,4% và tăng liên tục.

Đáp án mã đề: 254

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

01. C; 02. D; 03. B; 04. D; 05. C; 06. D; 07. A; 08. C; 09. B; 10. A; 11. D; 12. A; 13. B; 14. D; 15. D; 16. C; 17. C; 18. C; 19. C; 20. A; 21. B; 22. B; 23. B; 24. C; 25. B; 26. B; 27. C; 28. A; 29. A; 30. A; 31. D; 32. A;

II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,0 đ)	Nguyên nhân nào làm suy giảm số lượng loài động, thực vật tự nhiên. Nêu các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.	1,0
	a. Nguyên nhân :	0,5
	- Tác động của con người (phá rừng bừa bãi, khai thác không hợp lí, đốt rừng lấy DT canh tác, gây ô nhiễm môi trường nước..) đã làm...	0,25
	- Ngoài ra còn cháy rừng bởi các thiên tai gây ra,....	0,25
2 (0,5 đ)	B. Các biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng:	0,5
	- Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên. Ban hành “Sách đỏ Việt Nam”.	0,25
	- Quy định khai thác: Cấm khai thác gỗ quý, khai thác gỗ trong rừng cấm, rừng non, gây cháy rừng; cấm săn bắn động vật trái phép; cấm dùng chất nổ đánh bắt cá và các dụng cụ đánh bắt cá con, cá bột; cấm gây độc hại cho môi trường nước.	0,25
3 (0,5đ)	Tại sao ở nước ta hiện nay, tỉ lệ gia tăng dân số có xu hướng giảm, nhưng quy mô dân số vẫn tiếp tục tăng	0,5
	- Do quy mô dân số nước ta lớn.....	0,25
	- Do số người trong độ tuổi sinh đẻ cao...	0,25
3 (0,5đ)	Dự báo và căn cứ dự báo:	0,5
	<i>HS có thể nêu các xu hướng thay đổi khác nhau về tỉ lệ đất nông nghiệp (tăng hoặc giảm) đều được, miễn là nêu được các cơ sở dự báo hợp lí.</i> <i>Ví dụ:</i> - Xu hướng tỉ lệ đất nông nghiệp giảm vì: Dt đất chuyên dùng, đất ở, đất nông nghiệp bị thoái hóa, bạc màu, nhiễm mặn tăng lên... - Xu hướng tỉ lệ đất nông nghiệp tăng lên nếu như có các giải pháp cải tạo và sử dụng đất hợp lí; xây dựng hệ thống thủy lợi; chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp với các loại đất.	

Đề thi gồm 4 trang

CHỌN CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG NHẤT

Mã đề 146

Câu 1: Mưa phùn là loại mưa

- A. Diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào nửa sau mùa đông.
- B. Diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào đầu mùa đông.
- C. Diễn ra vào đầu mùa đông ở miền Bắc.
- D. Diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc.

Câu 2: Đồng bằng sông Cửu Long thường xuyên bị nhiễm mặn vào mùa khô là do

- A. Địa hình thấp, nhiều cửa sông đổ ra biển nên thủy triều dễ lấn sâu vào đất liền
- B. Có nhiều vùng trũng rộng lớn.
- C. Có 3 mặt giáp biển, có gió mạnh nên đưa nước biển vào.
- D. Sông ngòi nhiều tạo điều kiện dẫn nước biển vào sâu trong đất liền.

Câu 3: Đồng bằng sông Cửu Long có hai vùng trũng lớn là

- A. Cà mau và Đồng Tháp Mười.
- B. Tứ Giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười.
- C. Kiên giang và Đồng Tháp Mười.
- D. Tứ Giác Long Xuyên và Cà Mau.

Câu 4: Biện pháp phòng tránh bão có hiệu quả nhất hiện nay là?

- A. Có các biện pháp phòng tránh hiệu quả khi bão đang hoạt động
- B. Cùng cố đê chắn sóng ven biển.
- C. Phát triển các rừng ven biển.
- D. Dự báo chính xác về quá trình hình thành, hướng di chuyển và cường độ bão.

Câu 5: Quá trình feralit diễn ra mạnh mẽ là do

- A. Sông ngòi chứa nhiều ô xít.
- B. Sự phân hủy đá với cường độ mạnh.
- C. Đất có nhiều ôxít sắt.
- D. Khí hậu nhiệt đới ẩm.

Câu 6: Biển Đông là vùng biển lớn nằm ở phía

- A. Nam Trung Quốc và Tây nam Đài Loan.
- B. Phía Tây Phi-líp-pin và phía tây của Việt Nam.
- C. Phía đông Việt Nam và tây Philippin.
- D. Phía bắc của Xin-ga-po và phía nam Malaysia

Câu 7: Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

- A. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
- B. Sông có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao.
- C. Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
- D. Phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.

Câu 8: Diện tích của Biển Đông vào khoảng

- A. 3,447 triệu km²
- B. 3,344 triệu km²
- C. 4,437 triệu km²
- D. 4,347 triệu km²

Câu 9: Đất bạc màu, thoái hoá của vùng đồng bằng cao là vấn đề cần phải chú ý đặc biệt trong việc quản lý sử dụng đất đai nông nghiệp của vùng

- A. Đồng bằng duyên hải miền Trung
- B. Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đông Nam Bộ

Câu 10: Vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ có đặc điểm

- A. Thềm lục địa hẹp, giáp vùng biển sâu; thiên nhiên khắc nghiệt.
- B. Thềm lục địa nông, cồn cát, đầm phá khá phổ biến; thiên nhiên khắc nghiệt.
- C. Thềm lục địa nông, cồn cát, đầm phá khá phổ biến; thiên nhiên đa dạng.
- D. Thềm lục địa hẹp, cồn cát, đầm phá khá phổ biến; thiên nhiên đa dạng, đất màu mỡ.

Câu 11: Do đặc điểm nào mà dân cư Đồng bằng sông Cửu Long phải "Sống chung với lũ"?

- A. Chế độ nước lên xuống thất thường.
- B. Lũ lên chậm và rút chậm.

C. Cuộc sống ở đây gắn liền với cây lúa nước. D. Địa hình thấp so với mực nước biển.

Câu 12: Đặc điểm không phù hợp với địa hình nước ta là

- A. Địa hình ít chịu tác động của các hoạt động kinh tế của con người.
- B. Phân bậc phức tạp với hướng nghiêng Tây Bắc - Đông Nam là chủ yếu.
- C. Có sự tương phản giữa núi đồi, đồng bằng, bờ biển và đáy ven bờ.
- D. Địa hình đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm.

Câu 13: Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía bắc là

- A. Đới rừng nhiệt đới
- B. Đới rừng gió mùa cận xích đạo
- C. Đới rừng xích đạo
- D. Đới rừng gió mùa nhiệt đới

Câu 14: Đường cơ sở của nước ta được xác định là đường

- A. Nằm cách bờ biển 12 hải lí.
- B. Tính từ mức nước thủy triều cao nhất đến các đảo ven bờ.
- C. Nối các mũi đất xa nhất với các đảo ven bờ.
- D. Nối các điểm có độ sâu 200 m.

Câu 15: Nhận định đúng nhất về đặc điểm chung của sông ngòi nước ta là

- A. Mạng lưới dày đặc, nhiều nước giàu phù sa, thủy chế theo mùa
- B. Nhiều nước giàu phù sa, thủy chế theo mùa
- C. Mạng lưới dày đặc, nhiều nước giàu phù sa
- D. Mạng lưới dày đặc, thủy chế theo mùa

Câu 16: Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam trang 9, vùng khí hậu Tây Nguyên nằm trong miền khí hậu

- A. Miền khí hậu Nam Trung Bộ.
- B. Miền khí hậu phía Nam.
- C. Miền khí hậu phía Bắc.
- D. Miền khí hậu Nam Bộ.

Câu 17: Câu nào dưới đây thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa miền núi với đồng bằng nước ta

- A. Sông ngòi phát nguyên từ miền núi cao nguyên chảy qua các đồng bằng.
- B. Đồng bằng có địa hình bằng phẳng, miền núi có địa hình cao hiểm trở.
- C. Đồng bằng thuận lợi cho cây lương thực, miền núi thích hợp cho cây công nghiệp.
- D. Những sông lớn mang vật liệu bào mòn ở miền núi bồi đắp, mở rộng đồng bằng.

Câu 18: Tác động của biển Đông đến khí hậu nước ta

- A. Mưa nhiều, mưa theo mùa
- B. Giảm tính khắc nghiệt của thời tiết
- C. Độ ẩm không khí cao
- D. Mang tính hải dương, điều hòa hơn

Câu 19: Dựa vào bảng số liệu dân số nước ta năm 2000-2014 (đơn vị: nghìn người)

Khu vực	Năm 2000	Năm 2014
Tổng số	77 631	90 729
Thành thị	18 725	30 035
Nông thôn	58 906	60 694

Nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi cơ cấu dân số thành thị và nông thôn?

- A. Tỷ trọng dân thành thị giảm 9%, dân nông thôn tăng 9%.
- B. Tỷ trọng dân thành thị tăng 9%, dân nông thôn giảm 9%.
- C. Tỷ trọng dân thành thị tăng 8,9%, dân nông thôn tăng 9,8%.
- D. Tỷ trọng dân thành thị giảm 9,8%, dân nông thôn giảm 8,9%.

Câu 20: Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 10, hãy cho biết các hệ thống sông có diện tích lưu vực lớn nhất nước ta là

- A. Sông Hồng, sông Đồng Nai, sông Đà Rằng.
- B. Sông Hồng, sông Mê Kông, sông Đồng Nai.
- C. Sông Trà Khúc, sông Cả, sông Đồng Nai.
- D. Sông Cả, sông Trà Khúc, sông Mê Kông.

Câu 21: Trong đai nhiệt đới gió mùa, sinh vật chiếm ưu thế là

- A. Hệ sinh thái cận nhiệt đới.
- B. Hệ sinh thái nhiệt đới và cận nhiệt đới.
- C. Hệ sinh thái nhiệt đới.
- D. Hệ sinh thái gió mùa.

Câu 22: Trở ngại lớn nhất của địa hình miền núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta là

- A. Động đất dễ phát sinh ở những vùng đứt gãy sâu.
- B. Thiếu đất canh tác, thiếu nước nhất là ở những vùng núi đá vôi.
- C. Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực gây trở ngại cho giao thông.

D. Địa hình dốc, đất dễ bị xói mòn, lũ quét, lũ nguồn dễ xảy ra.

Câu 23: Đặc trưng khí hậu của vùng lãnh thổ phía bắc là

- A. Cận nhiệt gió mùa có mùa đông lạnh B. Nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh
C. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh D. Cận xích đạo gió mùa .

Câu 24: Đặc điểm nào không đúng với địa hình Việt Nam?

- A. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, có sự phân bậc rõ rệt.
B. Cao ở Tây Bắc thấp dần về Đông Nam.
C. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, phần lớn là núi cao trên 2000m.
D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 25: Nội thủy là

- A. Vùng tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lí.
B. Vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
C. Vùng nước ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lí.
D. Vùng có chiều rộng 12 hải lí.

Câu 26: Tổng diện tích vùng đất của nước ta là

- A. 331 211 km² B. 331 213 km² C. 331 212 km² D. 331 214 km²

Câu 27: Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp đã làm cho

- A. Địa hình nước ta có sự phân bậc rõ ràng.
B. Thiên nhiên có sự phân hoá sâu sắc.
C. Địa hình nước ta ít hiểm trở.
D. Tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên được bảo toàn.

Câu 28: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

- A. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc – Đông Nam.
B. Có địa hình cao nhất nước ta.
C. Gồm các dãy núi song song và so le hướng Tây Bắc – Đông Nam.
D. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

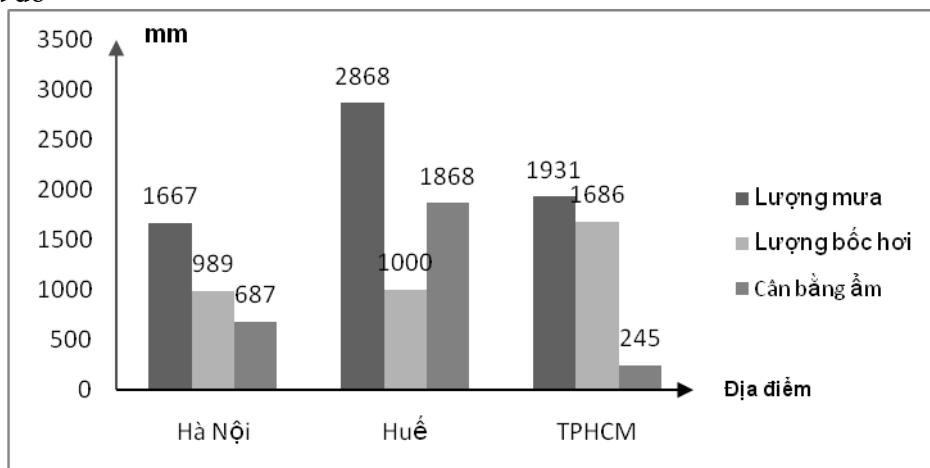
Câu 29: Cho bảng số liệu Diện tích rừng và độ che phủ ở nước ta qua một số năm
(đơn vị: triệu ha)

Năm	Tổng diện tích có rừng	Diện tích rừng tự nhiên	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	43,0
1983	7,2	6,8	22,0
2015	13,5	10,2	40,9

Nhận định nào sau đây đúng với sự biến động diện tích rừng nước ta:

- A. Diện tích rừng và độ che phủ nước ta giảm ở giai đoạn 1943-1983 và tăng lại đến 2015.
B. Diện tích rừng và độ che phủ rừng nước ta có sự thay đổi.
C. Mặc dù diện tích rừng đang tăng nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái.
D. Diện tích rừng nước ta tăng nhưng độ che phủ giảm.

Câu 30: Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Lượng mưa, lượng bốc hơi của Hà Nội, Huế và TPHCM

- B. Lượng mưa, lượng bốc hơi, cân bằng ẩm của Hà Nội và TPHCM
- C. Lượng mưa, lượng bốc hơi, cân bằng ẩm của Hà Nội, Huế và TPHCM
- D. Lượng mưa, lượng bốc hơi, cân bằng ẩm của Hà Nội và Huế

Câu 31: Đặc điểm không phải là của Đồng bằng sông Hồng

- A. Có hệ thống đê điều ven các con sông.
- B. Vùng đất trong đê hàng năm được phù sa bồi đắp
- C. Địa hình cao và bị chia cắt thành nhiều ô.
- D. Có các ô trũng, ngập nước trong mùa mưa

Câu 32: Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị trong dân số cả nước, giai đoạn 1979 – 2014

Năm	Số dân thành thị (triệu người)	Tỉ lệ dân thành thị (%)
1979	10,1	19,2
1989	12,5	19,4
1999	18,8	23,7
2014	30,0	33,1

Chọn dạng biểu đồ thích hợp thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị, giai đoạn 1979 – 2014.

- A. Biểu đồ kết hợp cột với đường.
- B. Biểu đồ tròn.
- C. Biểu đồ cột.
- D. Biểu đồ miền.

Câu 33: Biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là

- A. Trong năm, Mặt Trời luôn đứng cao trên đường chân trời.
- B. Hàng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt lớn.
- C. Trong năm, Mặt Trời qua thiên đỉnh hai lần.
- D. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.

Câu 34: Hệ sinh thái nào sau đây là đặc trưng của vùng ven biển?

- A. Rừng kín thường xanh
- B. Rừng ngập mặn
- C. Rừng cận xích đạo gió mùa.
- D. Rừng thưa nhiệt đới khô

Câu 35: Dựa vào Átlát Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết tên các cao nguyên đá vôi vùng Tây Bắc theo thứ tự từ Bắc xuống Nam

- A. Sín Chải, Tà Phình, Sơn La, Mộc Châu
- B. Tà Phình, Sín Chải, Sơn La, Mộc Châu
- C. Tà Phình, Sín Chải, Mộc Châu, Sơn La
- D. Sín Chải, Tà Phình, Mộc Châu, Sơn La

Câu 36: Đồng bằng châu thổ nào có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Mã.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng sông Cả.

Câu 37: Giả sử không có gió mùa mùa Đông thì tự nhiên nước ta sẽ thay đổi như thế nào?

- A. Biên độ nhiệt độ năm sẽ thấp, không có rét đậm rét hại
- B. Biên độ nhiệt độ năm sẽ cao, có rét đậm rét hại
- C. Miền Bắc sẽ có mùa Đông lạnh khô mưa ít, có rét đậm
- D. Biên độ nhiệt năm sẽ cao, không có rét đậm rét hại

Câu 38: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ

- A. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.
- B. Nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa.
- C. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.
- D. Lãnh thổ kéo dài từ 8°34'B đến 23°23'B nên thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.

Câu 39: Nguồn gốc của gió mùa Đông Bắc là

- A. Khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương.
- B. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.
- C. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Bắc.
- D. Áp cao XiBia.

Câu 40: Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc có giới hạn độ cao

- A. Từ 600 - 700 m đến 2600m
- B. Trên 2600m.
- C. Dưới 600 - 700m.
- D. Từ 900m-1000m lên đến 2600m

ĐÁP ÁN

1	A	11	B	21	C	31	B
2	A	12	A	22	C	32	A
3	B	13	D	23	C	33	D
4	D	14	C	24	C	34	B
5	D	15	A	25	B	35	B
6	C	16	B	26	C	36	C
7	B	17	D	27	D	37	A
8	A	18	D	28	D	38	C
9	D	19	B	29	A	39	D
10	A	20	B	30	C	40	A

C. do hậu quả chiến tranh.

D. do khai thác bừa bãi, không theo một chiến lược nhất định.

Câu 10. Đặc điểm của vị trí địa lí nước ta tạo điều kiện mở rộng giao lưu kinh tế với các nước trên thế giới là:

A. nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa.

B. nằm trên vành đai sinh khoáng TBD.

C. nằm trên đường hàng hải, đường bộ, đường hàng không quốc tế.

D. khu vực đang diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động nhất trên thế giới.

Câu 11. Sự phân hóa khí hậu theo mùa giúp cho:

A. ngành công nghiệp chế biến nông sản có nguyên liệu dồi dào, quanh năm.

B. ngành xây dựng và công nghiệp khai khoáng làm việc thuận lợi.

C. nguồn nông sản đa dạng, phong phú thuận lợi cho các ngành công nghiệp chế biến.

D. công nghiệp chế biến kim loại phát triển thuận lợi.

Câu 12. Đồng bằng Duyên hải miền Trung bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ nguyên nhân do:

A. chịu ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới gió mùa.

B. sự chia cắt của những sông lớn.

C. do tác động của con người.

D. địa hình hẹp ngang, nhiều dãy núi chạy ăn lan ra sát biển.

Câu 13. Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi là nhờ:

A. nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

B. nước ta nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.

C. nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.

D. nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.

Câu 14. Nguyên nhân nào tạo nên sự thay đổi thiên nhiên theo độ cao?

A. Chịu tác động mạnh của gió mùa đông bắc.

B. Địa hình chủ yếu là đồi núi, nhiệt độ thay đổi theo độ cao.

C. Giáp biển Đông.

D. Do vị trí địa lí.

Câu 15. Sử dụng Atlat (tr 7) cho biết ngọn núi Khoan La San cao 1853m nơi “Khi gà cất tiếng gáy trên đỉnh núi thì cả 3 nước đều nghe thấy” thuộc tỉnh

A. Lai Châu.

B. Điện Biên.

C. Kom Tum.

D. Lào Cai.

Câu 16. Nội thủy là vùng:

A. vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.

B. Có chiều rộng 12 hải lí.

C. Tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lí.

D. Nước ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lí.

Câu 17. Dựa vào atlas trang 25, đi dọc bờ biển từ bắc vào nam sẽ gặp những bãi biển

A. Sầm Sơn, Mỹ Khê, Nha Trang, Vũng Tàu.

B. Nha Trang, Sầm Sơn, Vũng Tàu, Mỹ Khê.

C. Mỹ Khê, Nha Trang, Sầm Sơn, Vũng Tàu.

D. Sầm Sơn, Nha Trang, Mỹ Khê, Vũng Tàu.

Câu 18. Dựa vào atlas trang 9, cho biết gió phơn Tây Nam ở nước ta hoạt động chủ yếu ở khu vực nào

A. Bắc Bộ.

C. Bắc Trung Bộ.

B. Tây Nguyên.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 19. Hiện nay mặc dù tỉ lệ tăng dân số nước ta đã giảm, nhưng quy mô dân số vẫn tăng nhanh là do:

A. đời sống đại bộ phận nhân dân được cải thiện.

B. tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục tăng với tốc độ cao.

C. quy mô dân số hiện nay lớn hơn trước đây và số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ chiếm tỉ lệ cao.

D. hiệu quả của chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình chưa cao.

Câu 20. Dựa vào Atlas trang 25 thứ tự từ Bắc xuống Nam là các vườn quốc gia:

A. Ba Bể, Cúc Phương, Bạch Mã, Cát Tiên.

B. Cúc Phương, Bạch Mã, Cát Tiên, Ba Bể.

C. Bạch Mã, Cát Tiên, Cúc Phương, Ba Bể.

D. Cát Tiên, Cúc Phương, Ba Bể, Bạch Mã.

Câu 21. Thách thức lớn nhất của nền kinh tế nước ta khi nằm trong khu vực có nền kinh tế phát triển năng động là:

A. phải nhập khẩu nhiều hàng hóa, công nghệ, kĩ thuật tiên tiến.

B. gia công hàng xuất khẩu với giá rẻ.

C. nhiều lao động có tay nghề cao đi tham gia lao động hợp tác quốc tế.

D. cạnh tranh quyết liệt trên thị trường khu vực và quốc tế.

Câu 22. Việt Nam gắn liền với lục địa và đại dương nào sau đây:

A. Á và Ấn Độ Dương

C. Á-Âu, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương

B. Á và Thái Bình Dương

D. Á-Âu và Thái Bình Dương

Câu 23. Tỉ lệ diện tích địa hình núi cao trên 2000m ở nước ta so với diện tích toàn bộ lãnh thổ chiếm khoảng

A. 1%

B. 87%.

C. 85%.

D. 90%.

Câu 24. Đỉnh núi Ngọc Lĩnh thuộc vùng núi:

A. Tây Bắc

C. Trường Sơn Bắc

B. Đông Bắc

D. Trường Sơn nam

Câu 25. Địa hình khu vực đồng bằng nước ta chia thành mấy loại:

A. 2

B. 3

C. 4

D. Nhiều loại

Câu 26. Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là:

- A. Đồi núi thấp chiếm ưu thế. C. Có nhiều sơn nguyên, cao nguyên
B. Nghiêng theo hướng Tây Bắc – Đông Nam D. Có nhiều khối núi cao đồ sộ

Câu 27. Sự đa dạng về bản sắc dân tộc do nước ta là nơi:

- A. Có sự gặp gỡ nhiều nền văn minh lớn với văn minh bản địa
B. Đang diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động
C. Giao nhau của các luồng sinh vật Bắc, Nam
D. Giao tiếp của hai vành đai sinh khoáng lớn

Câu 28. Điểm khác nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. Đồi núi thấp chiếm ưu thế C. Hướng các dãy núi
B. Hướng nghiêng của địa hình D. Có nhiều khối núi cao đồ sộ

Câu 29. Về mùa lũ nước ngập trên diện rộng, về mùa cạn nước triều lấn mạnh là ở:

- A. Đồng bằng Sông Hồng C. Đồng bằng ven biển miền Trung
B. Đồng bằng sông Cửu Long D. Đồng bằng Đông Nam Bộ

Câu 30. Khoáng sản có nguồn gốc nội sinh tập trung ở:

- A. Khu vực đồi núi C. Đồng bằng Sông Hồng
B. Khu vực đồng bằng D. Đồng bằng ven biển miền trung

Câu 31. Phát triển du lịch và giao thông vận tải biển là do:

- A. Địa hình ven biển C. Thiên nhiên ven biển
B. Khoáng sản biển D. Hệ sinh thái ven biển

Câu 32. Địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển và bị chia cắt thành nhiều ô là đặc điểm địa hình của:

- A. Đồng bằng Sông Cửu Long C. Đồng bằng ven biển miền Trung
B. Đồng bằng sông Hồng D. Câu B + C đúng

Câu 33. Đất đai ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc tính nghèo, nhiều cát ít phù sa, do:

- A. Trong sự hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu.
B. Bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.
C. Đồng bằng nằm ở chân núi nhận nhiều sỏi, cát trôi xuống.
D. Các sông miền trung ngắn hẹp và rất nghèo phù sa.

Câu 34. Cho bảng số liệu: Dân số Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015

Năm	2011	2012	2013	2014	2015
Dân số (nghìn người)	87.860,4	88.809,3	89.759,5	90.728,9	91.731,3

Biểu đồ thích hợp thể hiện sự gia tăng dân số của nước ta là?

- A. Cột. C. Đường.
B. Cột chồng. D. Miền

Câu 35. Dựa vào bảng số liệu sau đây về diện tích rừng của nước ta qua một số năm.

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	1943	1975	1983	1990	1999	2003
-----	------	------	------	------	------	------

Tổng diện tích rừng	14,3	9,6	7,2	9,2	10,9	12,1
Rừng tự nhiên	14,3	9,5	6,8	8,4	9,4	10,0
Rừng trồng	0,0	0,1	0,4	0,8	1,5	2,1

Nhận định đúng nhất là:

- A. Tổng diện tích rừng đã được khôi phục hoàn toàn.
- B. Diện tích rừng trồng tăng nhanh nên diện tích và chất lượng rừng được phục hồi.
- C. Diện tích và chất lượng rừng có tăng nhưng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn.
- D. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng.

ĐÁP ÁN

1.	D. Nông nghiệp.
2.	B. Lào, Campuchia, Trung Quốc.
3.	C. Tây Bắc.
4.	A. 277 người/km ²
5.	A. nằm trong vùng nội chí tuyến.
6.	B. Tất cả các đồng bằng ở nước ta đều là các đồng bằng châu thổ
7.	A. 600 – 700m.
8.	C. 2360 sông.
9.	D. do khai thác bừa bãi, không theo một chiến lược nhất định.
10.	B. đường di cư và di lưu của nhiều loại động, thực vật.
11.	C. nằm trên đường hàng hải, đường bộ, đường hàng không quốc tế.
12.	D. địa hình hẹp ngang, nhiều dãy núi chạy ăn lan ra sát biển.
13.	D. nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.
14.	B. Địa hình chủ yếu là đồi núi, nhiệt độ thay đổi theo độ cao.
15.	B. Điện Biên.
16.	A. vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
17.	A. Sầm Sơn, Mỹ Khê, Nha Trang, Vũng Tàu.
18.	C. Bắc Trung Bộ.
19.	C. quy mô dân số hiện nay lớn hơn trước đây và số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ chiếm tỉ lệ cao.
20.	A. Ba Bể, Cúc Phương, Bạch Mã, Cát Tiên.
21.	D. cạnh tranh quyết liệt trên thị trường khu vực và quốc tế.
22.	D. Á-Âu và TBD
23.	A. 1%
24.	D. Trường Sơn nam
25.	A. 2
26.	B. Nghiêng theo hướng Tây Bắc – Đông Nam
27.	A. Có sự gặp gỡ nhiều nền văn minh lớn với văn minh bản địa
28.	C. Hướng các dãy núi

29.	B. Đồng bằng sông Cửu Long
30.	A. Khu vực đồi núi
31.	A. Địa hình ven biển
32.	B. Đồng bằng sông Hồng
33.	A. Trong sự hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu.
34.	A. Cột.
35.	C. Diện tích và chất lượng rừng có tăng nhưng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn.